

Số: 1189/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Dương,
tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng; sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; được điều chỉnh, bổ sung tại Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ V/v Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1883/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ V/v Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng phía Tây đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 4164/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 và số 220/QĐ-UBND ngày 27/01/2022; Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng phía Bắc đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 25/01/2017;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh V/v Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 – tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Tam Dương thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 164/TB-UBND ngày 19/5/2025 của UBND tỉnh V/v Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Trần Duy Đông tại cuộc họp nghe Sở Xây dựng và các sở ngành báo cáo một số quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án theo phiếu biểu quyết,

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 169/TTr-SXD ngày 02/6/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Chủ đầu tư quy hoạch: UBND huyện Tam Dương.

3. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

3.1. Phạm vi: Toàn bộ phạm vi trong địa giới hành chính huyện Tam Dương, bao gồm 12 đơn vị hành chính cấp xã (Thị trấn Hợp Hòa, thị trấn Kim Long, xã An Hòa, xã Đạo Tú, xã Đồng Tĩnh, xã Duy Phiên, xã Hoàng Đan, xã Hoàng Hoa, xã Hoàng Lâu, xã Hướng Đạo, xã Thanh Vân, xã Hội Thịnh – sắp xếp theo Nghị quyết số 1287/NQ-UBTVQH15 ngày 22/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Tam Đảo;
- Phía Đông giáp thành phố Vĩnh Yên và huyện Bình Xuyên;
- Phía Nam giáp huyện Vĩnh Tường và huyện Yên Lạc;
- Phía Tây giáp huyện Lập Thạch.

3.2. Quy mô đất đai lập quy hoạch: 108,2508 km² (10.825,08 ha).

4. Mục tiêu, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển:

4.1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hoá Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2030 và tầm

nhìn đến năm 2050, Chương trình tổng thể xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch vùng phía Tây và vùng phía Bắc đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030;

- Làm cơ sở để tổ chức hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, các khu chức năng như công nghiệp, nông nghiệp, đô thị, dịch vụ..., gắn liền với việc bảo vệ môi trường thiên nhiên và giữ gìn cân bằng sinh thái trên địa bàn Tỉnh.

- Đề xuất phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn tập trung trên cơ sở khai thác lợi thế riêng của huyện Tam Dương, thúc đẩy phát triển ngành kinh tế mũi nhọn. Đề xuất phân bố không gian phát triển nông nghiệp, xây dựng công nghiệp, du lịch - dịch vụ, hệ thống hạ tầng xã hội; tổ chức phát triển giao thông và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ chức môi trường bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu ở đô thị và nông thôn; đảm bảo an ninh – quốc phòng trên địa bàn huyện.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch công nghiệp, du lịch - dịch vụ, các vùng nông nghiệp, các quy hoạch chuyên ngành... là tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện Tam Dương.

b) Mục tiêu phát triển:

- Xây dựng phát triển kinh tế - xã hội huyện Tam Dương phù hợp định hướng phát triển của tỉnh, phát huy thế mạnh tiềm năng của các nguồn lực, các ngành kinh tế, áp dụng chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật phù hợp cho các khu chức năng, đô thị và cơ sở hạ tầng nông thôn có tốc độ đô thị hóa cao.

- Phát triển về công nghiệp - xây dựng là động lực tăng trưởng chủ yếu của huyện, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tạo bước chuyển biến mới về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện; song song với đó là phát triển về thương mại dịch vụ, giảm dần tỷ trọng về nông, lâm nghiệp và thủy sản, chỉ tập trung vào phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, thực phẩm sạch, chất lượng cao, đáp ứng với nhu cầu của thị trường đô thị toàn vùng.

4.2. Tính chất:

Là vùng phát triển về kinh tế đô thị và công nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc; có điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đô thị dịch vụ thương mại, nông nghiệp sinh thái..., đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh; là đầu mối giao thông quan trọng, kết nối với các địa phương trong tỉnh.

4.3. Tiềm năng và động lực phát triển:

- Tam Dương nằm phía Tây Bắc thành phố Vĩnh Yên, thuộc vùng trung tâm tỉnh Vĩnh Phúc; có hệ thống giao thông quan trọng chạy qua như đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai với 02 điểm kết nối, các đường Quốc lộ 2, Quốc lộ 2B, 2C và các đường tỉnh, là điều kiện thuận lợi cho việc giao thương và là động lực phát triển cho vùng huyện.

- Là địa phương có quỹ đất thuận lợi cho phát triển các khu, cụm công nghiệp, các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... trên địa bàn huyện Tam Dương có 04 Khu công nghiệp đã và đang hình thành, cùng với đó là các cụm công nghiệp, các trang trại chăn nuôi tập trung...

- Là địa phương có nguồn lao động dồi dào, cơ cấu lao động trẻ, trình độ lao động dần được nâng cao, là nguồn lực

5. Dự báo các chỉ tiêu phát triển:

5.1. Dự báo phát triển kinh tế:

- Mục tiêu tăng trưởng của huyện Tam Dương giai đoạn đến 2025: Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn đến năm 2025 phấn đấu đạt 12%/năm. Cơ cấu các ngành kinh tế đến năm 2025 dự báo với Công nghiệp - Xây dựng chiếm 67%; Thương mại - Dịch vụ chiếm 21,44%; Nông, lâm, thủy sản chiếm 11,56%.

- Mục tiêu tăng trưởng của huyện Tam Dương giai đoạn 2026-2030: Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2026-2030 phấn đấu đạt 12-15%/năm. Cơ cấu các ngành kinh tế đến năm 2030 dự báo với Công nghiệp - Xây dựng chiếm 68,0%; Thương mại - Dịch vụ chiếm 23,0%; Nông, lâm, thủy sản chiếm 9,0%.

5.2. Dự báo dân số, lao động:

- Dân số hiện trạng khoảng 132.093 người (năm 2024);
- Dự báo đến năm 2030 dân số khoảng 140.995 người; trong đó, dân số trong độ tuổi lao động khoảng 84.597 người;
- Dự báo đến năm 2050 dân số khoảng 190.444 người; trong đó, dân số trong độ tuổi lao động khoảng 114.266 người.

5.3. Dự báo tỷ lệ đô thị hóa:

- Tỷ lệ đô thị hóa hiện trạng khoảng 26,83%;
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 khoảng 70,40%; là đô thị loại IV, (tỉnh Vĩnh Phúc cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I, làm tiền đề để trở thành phố trực thuộc trung ương);
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2050 khoảng 100% (trở thành một quận nội thành thuộc đô thị Vĩnh Phúc – đô thị trực thuộc trung ương).

(Tỷ lệ đô thị hóa của vùng sẽ được điều chỉnh trong các giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng chính quyền 02 cấp)

5.4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính:

- Các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng được áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07:2023/BXD và các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất áp dụng vào phát triển đô thị về nguyên tắc dựa trên các tiêu chuẩn đô thị loại IV (theo định hướng phát triển đến năm 2030 của vùng huyện), các khu vực chức năng khác áp dụng chỉ tiêu đặc thù.

5.5. Dự báo nhu cầu sử dụng đất:

a) Nhu cầu đất xây dựng:

- Dự báo đất xây dựng toàn huyện đến năm 2030 (gồm đất Khu vực phát triển đô thị, Khu vực phát triển dân cư nông thôn, Khu vực sản xuất công nghiệp, Khu nghiên cứu, đào tạo, Khu thương mại - dịch vụ, Khu vực/điểm nghĩa trang, nghĩa địa, Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật) khoảng 4470,89 ha, bình quân 317,10 m²/người.

- Dự báo đất xây dựng toàn huyện đến năm 2050 (gồm đất Khu vực phát triển đô thị, Khu vực phát triển dân cư nông thôn, Khu vực sản xuất công nghiệp, Khu nghiên cứu, đào tạo, Khu thương mại - dịch vụ, Khu vực/điểm nghĩa trang, nghĩa địa, Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật) khoảng 5347,40ha, bình quân 280,79 m²/người.

b) Bảng tổng hợp định hướng quy hoạch sử dụng đất các khu vực chức năng:

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2030 TẦM NHÌN ĐẾN 2050					
STT	Khu vực chức năng	Giai đoạn đến 2030		Giai đoạn 2030-2050	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Khu vực phát triển đô thị	2142,78	19,79	3485,89	32,20
2	Khu vực phát triển dân cư nông thôn	884,29	8,17	-	-
3	Khu vực sản xuất công nghiệp	872,88	8,06	934,27	8,63
4	Khu nghiên cứu, đào tạo	232,11	2,14	434,50	4,01
5	Khu thương mại - dịch vụ	185,71	1,72	339,62	3,14
6	Khu vực nông nghiệp	5605,07	51,78	4833,82	44,65
7	Khu vực lâm nghiệp (rừng sản xuất)	445,90	4,12	313,80	2,90

8	Khu vực/điểm di tích lịch sử	30,45	0,28	30,45	0,28
9	Khu vực an ninh	18,25	0,17	18,25	0,17
10	Khu vực quốc phòng	150,99	1,39	177,83	1,64
11	Khu vực/điểm nghĩa trang, nghĩa địa	95,83	0,89	95,83	0,89
12	Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật	57,29	0,53	57,29	0,53
13	Mặt nước	103,53	0,96	103,53	0,96
TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH		10825,08	100,00	10825,08	100,00

6. Định hướng phát triển không gian vùng:

6.1. Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng

Dựa vào đặc điểm, không gian tự nhiên của huyện, hệ thống giao thông chính và dự kiến quy hoạch phát triển các khu chức năng trong vùng, lựa chọn phát triển huyện Tam Dương theo mô hình: Hai trục chính, hai hành lang kinh tế và 5 tuyến liên kết. Trong đó:

- Trục trung tâm vùng là QL2C; trục động lực phát triển là trục gồm đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai với 02 điểm kết nối.

- Hành lang kinh tế phía Đông quốc lộ 2C là khu vực tập trung phát triển đô thị - công nghiệp, giáo dục, văn hóa TDTT và thương mại dịch vụ; hành lang kinh tế phía Tây quốc lộ 2C tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn, cụm công nghiệp và đô thị mới.

- 05 tuyến liên kết gồm hành lang dọc tuyến ĐT.310C (đường vành đai 3); hành lang dọc tuyến ĐT.309; hành lang dọc tuyến ĐT.309B; hành lang dọc tuyến ĐT.310; hành lang dọc tuyến ĐT.310D.

6.2. Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển

Phát triển vùng huyện Tam Dương thành 03 phân vùng như sau:

- Phân vùng 1 - Phân vùng phát triển trung tâm: Bao gồm 04 đơn vị hành chính cấp xã: Hợp Hòa, Kim Long, Hướng Đạo, Đạo Tú; quy mô diện tích khoảng 4441,67ha; dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 50.344 người và đến năm 2050 khoảng 68.000 người. Định hướng phát triển Trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa thể thao và y tế của vùng huyện; phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, công nghiệp, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao của vùng huyện và của tỉnh.

- Phân vùng 2 - Phân vùng phát triển phía Nam: Bao gồm 04 đơn vị hành chính cấp xã Hội Thịnh, Hoàng Lô, Đạo Tú, Thanh Vân; quy mô diện tích khoảng 3169,14ha; dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 49.650 người và đến năm 2050 khoảng 67.062 người. Định hướng phát triển đô thị, cụm công nghiệp,

giáo dục đào tạo, thương mại dịch vụ và y tế của vùng huyện và của tỉnh; phát triển nông nghiệp sinh thái ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất.

- Phân vùng 3 - Phân vùng phát triển phía Tây Bắc: Bao gồm 04 đơn vị hành chính cấp xã Hoàng Đan, An Hòa, Đồng Tĩnh, Hoàng Hoa; quy mô diện tích khoảng 3214,28ha; dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 41.002 người và đến năm 2050 khoảng 55.382 người. Định hướng phát triển đô thị tại khu vực Hoàng Đan và các khu vực dân cư nông thôn, gắn liền với phát triển cụm công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao trong sản xuất, trong đó tập trung vào lĩnh vực chăn nuôi tập trung và nông nghiệp sinh thái.

(Các đơn vị hành chính cấp xã trong vùng sẽ được điều chỉnh trong các giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng chính quyền 02 cấp)

6.3. Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển

a). Phát triển công nghiệp:

Trên cơ sở hiện trạng phát triển và định hướng Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, vùng huyện Tam Dương định hướng phát triển 04 Khu công nghiệp và 07 Cụm công nghiệp. Trong đó:

- Phát triển 04 khu công nghiệp: Tam Dương 1 - Khu vực 2 (156,76ha), Tam Dương 1 – Khu vực 3 (176,11 ha); Tam Dương 2 – Khu A (135,17ha, diện tích thuộc Tam Dương 118,14 ha) và Tam Dương 2 - Khu B (178,98 ha, diện tích thuộc Tam Dương 48,05 ha) với tổng diện tích khoảng 647,02ha trong đó thuộc huyện Tam Dương 499,06 ha. Các khu công nghiệp được phân bố dọc theo các trục đường giao thông chính của khu vực, có mối liên kết vùng thuận lợi; trong đó, KCN Tam Dương 1 - Khu vực 2 và KCN Tam Dương 1 - Khu vực 3 liên kết theo trục ĐT.310C và ĐT.307C, KCN Tam Dương 2 - Khu A và Tam Dương 2 - Khu B liên kết theo trục ĐT.310; các khu công nghiệp liên kết thuận lợi tới 02 nút giao với đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai và các đường Quốc lộ, đường Tỉnh trong vùng, đảm bảo khả năng thông thương, phát triển

Định hướng phát triển các loại hình sản xuất như cơ khí chính xác, phụ tùng điện tử, điện lạnh, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy nông nghiệp, chế tạo, chế tác khuôn mẫu, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến, hỗ trợ... có công nghệ tiên tiến, hiện đại, ít ô nhiễm môi trường,

Ngoài ra dự kiến Dự kiến phát triển thêm quỹ đất xây dựng các KCN Lập Thạch, Sông Lô, Tam Dương diện tích 4510,32 ha khi các điều kiện pháp luật cho phép.

- Phát triển 07 Cụm công nghiệp: Hoàng Đan, Hoàng Đan 2, Hoàng Lâu, Hướng Đạo, Hợp Thịnh, Vân Hội, Duy Phiên với tổng diện tích là 372ha. Các cụm công nghiệp được tập trung tại khu vực phía Tây Nam trong vùng, thuộc các đơn vị hành chính cấp xã liền kề là Hội Thịnh, Duy Phiên, Hoàng Lâu và Hoàng

Đan; ngoài ra, phân bổ 01 cụm công nghiệp Hướng Đạo tại khu vực gần các khu công nghiệp Tam Dương 1 và Tam Dương 2 để phát triển các loại hình công nghiệp hỗ trợ. Các cụm công nghiệp được phân bổ dọc theo các trục đường chính trong vùng, có liên kết thuận lợi với các đường Quốc lộ và đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai

STT	Tên cụm công nghiệp	Diện tích dự kiến (ha)	
		Đến năm 2030	Đến năm 2050
1	Cụm công nghiệp Hoàng Lâu	58	58
2	Cụm công nghiệp Hợp Thịnh	47	47
3	Cụm công nghiệp Hoàng Đan	39	39
4	Cụm công nghiệp Hoàng Đan 2	47	47
5	Cụm công nghiệp Hướng Đạo	46	46
6	Cụm công nghiệp Vân Hội	60	60
7	Cụm công nghiệp Duy Phiên	75	75

Định hướng phát triển những loại hình công nghiệp hỗ trợ, cơ khí chế tạo, điện tử, tin học, dệt may, day giày, chế biến thực phẩm và đa ngành.

- Quỹ đất phát triển nhà ở xã hội phục vụ công nhân và các đối tượng thu nhập thấp: Định hướng quỹ đất nhà ở xã hội phục vụ cho công nhân lao động trong các khu, cụm công nghiệp được bố trí tại các khu vực quy hoạch dân cư đô thị, nông thôn mới, gần các khu, cụm công nghiệp, bao gồm:

+ Quỹ đất nhà ở xã hội, nhà ở công nhân phục vụ các khu công nghiệp Tam Dương I – Khu vực 2, 3; được bố trí tại Hướng Đạo – Tam Dương (*trên tuyến đường Vành đai Khu công nghiệp Tam Dương*);

+ Quỹ đất nhà ở xã hội, nhà ở công nhân phục vụ các khu công nghiệp Tam Dương II – Khu vực A, B; được bố trí tại Kim Long – Tam Dương (*trên tuyến đường Hợp Châu – Đông Tĩnh*);

+ Quỹ đất nhà ở xã hội, nhà ở công nhân phục vụ các cụm công nghiệp: Hoàng Đan, Hoàng Lâu, Duy Phiên; được bố trí tại Hoàng Đai – Tam Dương (

Ngoài ra theo nhu cầu đầu tư phát triển, các quỹ đất nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại các khu vực trong vùng huyện được xác định là khu vực phát triển điểm dân cư đô thị, dân cư nông thôn mới, được cụ thể trong các quy hoạch cấp thấp hơn.

b). Phát triển thương mại dịch vụ:

Trên cơ sở hiện trạng phát triển và định hướng Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, vùng huyện Tam Dương định hướng phát triển 08 Chợ - điểm chợ, 03 Trung tâm thương mại và 03 siêu thị. Trong đó:

- Hệ thống chợ: Đầu tư phát triển 08 chợ- điểm chợ; trong đó, thực hiện nâng cấp cải tạo 08 chợ - điểm chợ hiện trạng (*Chợ Hợp Hòa; Chợ Vàng – Hoàng Đan; Chợ Kim Long; Chợ Diên – Đồng Tĩnh; Chợ Đạo Tú; Chợ Vẽ - Hoàng Hoa; Chợ Thanh Vân; điểm Chợ Hợp Thịnh – nay là Hội Thịnh*); di dời và giải toả 01 chợ (*Chợ Me*); không phát triển mới;

- Hệ thống trung tâm thương mại và siêu thị: Phát triển 03 trung tâm thương mại (*01 hạng II và 02 hạng III*) và 03 siêu thị (*01 hạng II và 02 hạng III*). Các Trung tâm thương mại, Siêu thị được tập trung tại khu vực trung tâm vùng huyện (thị trấn Hợp Hòa) và các khu vực cửa ngõ, trên trục đường lớn như tại khu vực Hội Thịnh, Kim Long...

Song song với việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống Chợ, Trung tâm thương mại, Siêu thị; tập trung phát triển hệ thống siêu thị mini, cửa hàng tự chọn, cửa hàng thương mại, định hướng phát triển dọc theo các trục đường giao thông chính trong vùng; khuyến khích phát triển theo nhu cầu thị trường, trên nền tảng cơ sở vật chất sẵn có của thương nhân; chú trọng tại các nơi gần khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị, các trung tâm công cộng lớn của vùng...

c). Phát triển du lịch:

Vùng huyện Tam Dương có 02 di tích lịch sử cấp quốc gia, 57 di tích lịch sử cấp tỉnh với khoảng 40 lễ hội truyền thống được tổ chức hàng năm; đây là tiền đề để Tam Dương phát triển du lịch gắn với di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh. Tập trung đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử theo quy định, phát triển không gian khu vực xung quanh các di tích lịch sử để tổ chức các hoạt động lễ hội, khôi phục các lễ hội, các trò chơi dân gian để phục vụ phát triển du lịch.

Tập trung phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp sinh thái, chuyên canh, gắn liền với các hoạt động du lịch trải nghiệm, du lịch nông thôn;

d). Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp:

- Phát triển vùng trồng lúa: Đến năm 2030, vùng huyện Tam Dương có 2.902 ha đất trồng lúa, là vùng có diện tích đứng thứ 2 trên địa bàn tỉnh (*sau huyện Vĩnh Tường*). Đất lúa phân bố tập trung chủ yếu cho các xã Duy Phiên, Hoàng Lô, An Hòa, Hoàng Đan, Đồng Tĩnh và Hội Thịnh. Áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, áp dụng các biện pháp lưu trữ bảo quản sản phẩm sau thu hoạch; tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Phát huy giá trị thương hiệu “gạo Long Trì” trong sản xuất lúa nước để mở rộng quy mô và chất lượng sản phẩm.

- Phát triển vùng trồng cây hàng năm: Tập trung mở rộng các vùng sản xuất rau chuyên canh, ứng dụng mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tăng năng suất sản phẩm. Phát triển mở rộng vùng trồng rau đang có lợi thế như: Dưa chuột An Hòa, Su su Kim Long, Rau Hội Thịnh (*khu vực Vân Hội cũ*); Đầu tư xây dựng vùng nông nghiệp công nghệ cao khu vực Hội Thịnh, Duy Phiên; Phát triển các vùng chuyên canh trồng Ngô theo tiêu chuẩn VietGap; đẩy mạnh sản xuất, phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Tam Dương.

- Phát triển vùng trồng cây lâu năm: Phát triển vùng cây ăn quả phù hợp, có lợi thế, giá trị kinh tế cao theo hướng hàng hóa như bưởi da xanh, cam, táo,; Trồng thay thế các cây già cỗi, năng suất thấp, trồng mới các giống cây ăn quả cao sản có năng suất cao,...; Định hướng thị trường, thương mại đối với cây ăn quả, hình thành chuỗi liên kết từ khâu sản xuất, đến gắn mác tạo thương hiệu sản phẩm.

- Phát triển vùng chăn nuôi tập trung: Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực. Hình thành nhiều trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ tiên tiến trong sản xuất, nhằm nâng cao sản lượng, hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường (*bò sữa, bò thịt, lợn ngoại, gia cầm chuyên trứng, chuyên thịt...*); áp dụng công nghệ nuôi chuồng kín... Cơ cấu lại giống vật nuôi; cải tạo giống theo hướng tăng tỷ lệ giống tiến bộ, có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với thị trường.

- Phát triển các vùng trồng rừng: Tăng cường quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có; tận dụng các nguồn vốn để thực hiện khoanh nuôi tái sinh; đẩy mạnh trồng rừng mới, trồng cây phân tán. Đẩy mạnh liên kết, khuyến khích các nhà đầu tư thuê đất, liên kết trồng rừng sản xuất.

- Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Tam Dương với quy mô diện tích khoảng 150ha trên địa bàn Tam Dương theo Quy hoạch Phân khu A2 đã được phê duyệt.

6.4. Định hướng phát triển đô thị và nông thôn

a). Mô hình, cấu trúc phát triển đô thị và nông thôn:

Vùng huyện Tam Dương có mô hình phát triển đô thị phân tán, với trung tâm là thị trấn Hợp Hòa, phía Đông là Kim Long, phía Tây là Hoàng Đan (*theo QHC đô thị loại V đã được phê duyệt*) và phía Nam là Hội Thịnh ; phát triển đô thị hóa tập trung vào khu vực trung tâm gồm các xã Hướng Đạo, Đạo Tú, Thanh Vân và Duy phiên (*trên cơ sở phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc được duyệt*), làm tiền đề để phát triển thành đô thị loại IV Tam Dương vào những năm 2030. Khu vực nông thôn tập

trung tại khu vực phía Bắc và phía Tây vùng huyện, gồm các xã Hoàng Lâu, An Hòa, Hoàng Hoa, Đồng Tĩnh.

b). Định hướng phát triển đô thị:

- Phân cấp, phân loại đô thị đến năm 2030: Định hướng đến năm 2030, Tam Dương trở thành đô thị loại IV; trong đó:

+ Vùng nội thị bao gồm: Hợp Hòa, Kim Long, Hoàng Đan, Hội Thịnh, Hướng Đạo, Đạo Tú, Thanh Vân và Duy Phiên.

+ Thị trấn Hợp Hòa là trung tâm vùng huyện Tam Dương, trung tâm hành chính, chính trị, y tế, giáo dục, kinh tế của vùng huyện Tam Dương;

+ Thị trấn Kim Long là trung tâm cụm xã phía Đông huyện Tam Dương; là trung tâm dịch vụ thương mại, công nghiệp, nhà ở, đầu mối giao thông có vai trò thúc đẩy kinh tế xã hội của vùng huyện Tam Dương và khu vực;

+ Hoàng Đan là trung tâm cụm xã phía Tây, là đô thị mới, trung tâm dịch vụ thương mại, công nghiệp, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng huyện Tam Dương

+ Hội Thịnh là trung tâm cụm xã phía Nam, trung tâm dịch vụ thương mại, y tế, đô thị và công nghiệp của vùng huyện Tam Dương và khu vực.

+ Các xã Hướng Đạo, Đạo Tú, Thanh Vân và Duy Phiên được đầu tư phát triển theo tiêu chí đô thị, trên cơ sở triển khai thực hiện theo Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc được duyệt.

Đến năm 2030 dân số toàn huyện đạt 140.995 người, diện tích tự nhiên 10825,09 ha

Diện tích tự nhiên phần đô thị: 7626,7 ha dân số 98651 người, tỷ lệ dân số đô thị hóa 69,97%.

Diện tích tự nhiên các xã nông thôn (An Hòa, Đồng Tĩnh, Hoàng Hoa, Hoàng Lâu): 3198,38 ha, dân số 42.344 người.

- Giai đoạn sau 2030 đến năm 2050: Toàn bộ huyện bao gồm toàn bộ các đơn vị hành chính cấp xã là khu vực đô thị, đến năm 2050 là khu vực thuộc đô thị Vĩnh Phúc. Diện tích tự nhiên 10825,08 ha, dân số 190.444 người, tỷ lệ dân số đô thị 100%.

c). Định hướng phát triển nông thôn:

Khu vực nông thôn tập trung tại khu vực phía Bắc và phía Tây vùng huyện, gồm các xã Hoàng Lâu, An Hòa, Hoàng Hoa và Đồng Tĩnh; các định hướng phát triển như sau:

- Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư nông thôn hiện trạng; quy hoạch xây dựng các khu dân cư mới đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật;

- Rà soát, lập mới, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn các xã đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo các giai đoạn phát triển. Không gian nông thôn phù hợp với định hướng chung của các phân vùng; đảm bảo phát triển bền vững, gìn giữ cảnh quan, tạo dựng môi trường sống thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất. Việc đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch được duyệt.

- Phát triển du lịch gắn với bảo vệ giá trị văn hóa truyền thống, các hoạt động lễ hội, các di tích lịch sử và các vùng sản xuất nông nghiệp nông thôn;

- Chuyển hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp, chăn nuôi theo hướng sinh thái, công nghệ cao, chất lượng cao để phục vụ cho vùng huyện và vùng xung quanh; gắn liền các hoạt động sản xuất nông nghiệp với hoạt động du lịch trải nghiệm, sản xuất hàng hóa.

- Trung tâm xã: Hình thành các trung tâm xã có quy mô diện tích khoảng 10-30ha; quy mô dân số khoảng 2.000 đến 3.000 người; là trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa, kinh tế, dịch vụ của xã; được đầu tư xây dựng các công trình trụ sở cơ quan hành chính xã, công an xã, trung tâm văn hóa thể thao xã, bưu điện, trường học... với chỉ tiêu sử dụng đất và bán kính phục vụ theo quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Các điểm dân cư: Kiểm soát phát triển đối với các khu dân cư hiện hữu, đảm bảo giữ được không gian định cư truyền thống về mật độ dân cư, về tầng cao và mật độ xây dựng..., bổ sung các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ các khu dân cư, đồng thời bảo vệ được không gian nông nghiệp xung quanh. Các điểm dân cư mới phải phù hợp với nhu cầu phát triển, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các quỹ đất công cộng phục vụ dân cư.

Giai đoạn sau 2030: Các xã trở thành khu vực phát triển đô thị theo định hướng Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc được duyệt.

(Định hướng phát triển đô thị và nông thôn trong vùng sẽ được điều chỉnh trong các giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng chính quyền 02 cấp)

d). Định hướng phát triển khu vực an ninh – quốc phòng:

- An ninh: Đối với các khu vực đất An ninh, đảm bảo định mức sử dụng đất cho các đơn vị trong lực lượng Công an (bố trí đủ cho trụ sở làm việc của Công an xã trên địa bàn, bổ sung diện tích đất còn thiếu cho lực lượng trực tiếp chiến đấu của Công an tỉnh Vĩnh Phúc); bố trí quỹ đất an ninh xây dựng trụ sở Công an 12 đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện; bố trí quy đất an ninh tại trụ sở làm việc cho lực lượng Công an đảm bảo ANTT, PCCC và CNCH tại Khu công nghiệp Tam Dương I, Tam Dương II.

- Quốc Phòng: Bố trí các quỹ đất quốc phòng đảm bảo yêu cầu của quy hoạch cấp trên và của huyện. Đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch đất quốc phòng đối với khu vực một số địa điểm đường tập tăng (tại khu vực KCN Tam Dương 1 - huyện Tam Dương, Khu vực xây dựng khu liên hiệp thể thao tỉnh).

e). Định hướng phát triển khai thác khoáng sản (tổng hợp theo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt):

TT	Tên khu vực quy hoạch	Diện tích dự kiến (ha)	Số hiệu trên bản đồ	Trữ lượng tài nguyên dự kiến (m ³)	Giấy phép số	Ghi chú
A	Các khu mỏ quy hoạch khoáng sản được cơ quan Trung ương cấp phép: Không có					
B	Các khu vực quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh					
B1	Đất làm vật liệu san lấp					
I	Khu vực hiện trạng đang được hoạt động khai thác					
1	Xã Kim Long - Tam Dương và xã Tam Quan - Tam Đảo - Khu I	0,98	VL.7	122.252	Căn cứ Giấy phép số 1997/GP-UBND ngày 21/8/2019	
2	Xã Hoàng Hoa - Tam Dương - Khu II	1,57	VL.8	158.310	Căn cứ Giấy phép số 1997/GP-UBND ngày 21/8/2019	
3	Khu I, thôn Tuần Lũng (Tần Lũng), xã Hoàng Hoa - Tam Dương	2,43	VL.9	346.300	Căn cứ Giấy phép số 1547/GP-UBND ngày 15/6/2021	Gia hạn Giấy phép 505/GP-UBND ngày 03/03/2021

4	Khu II thôn Phú Cường. xã Hướng Đạo, Tam Dương	4,2	VL.10			
5	Khu vực đồi Cháy, thị trấn Hợp Hòa - Tam Dương	4,87	VL.11	347.020	Căn cứ Giấy phép số 270 /GP-UBND ngày 08/02/2022 (nhận chuyển nhượng)	Giấy phép khai thác khoáng sản số 3313/GP-UBND ngày 07/12/2021 và Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh
II	Khu vực quy hoạch bổ sung thăm dò, khai thác được UBND tỉnh chấp thuận					
6	Vị trí VT7 đồi Giếng Khuôn, xã Đồng Tỉnh và xã Hoàng Hoa; Khu vực đồi Rừng Tròn, xã Đồng Tỉnh - Tam Dương	23,1	VL.30	1.320.000		UBND tỉnh chấp thuận tại VB số 7664/UBND-CN3 ngày 22/9/2023
7			VL.30b	500.000		
8			S.9D.5	325.000		
9			S.9D.6	1.200.000		
III	Khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác thêm mới					

1	06 khu mỏ khác					Xác định cụ thể sau khi khảo sát, đánh giá đảm bảo an toàn môi trường, tuân thủ theo Luật Khoáng sản và quy định liên quan
B2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	123		16.430.000		
I	Khu vực hiện trạng đang được hoạt động khai thác					
II	Khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác thêm mới					
1	04 khu mỏ	11,43		4.032.994		Xác định cụ thể sau khi khảo sát, đánh giá đảm bảo an toàn môi trường, tuân thủ theo Luật Khoáng sản và quy định liên quan
B3	Cát xây dựng	339		5.470.000		
I	Khu vực hiện trạng đang được hoạt động khai thác					
II	Khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác thêm mới					

1	10 mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng chưa cấp phép khai thác, 9 khu vực đề nghị bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và 05 khu vực trên các sông, suối.	251,76		2.521.427		Xác định cụ thể sau khi khảo sát, đánh giá đảm bảo an toàn môi trường, tuân thủ theo Luật Khoáng sản và quy định liên quan
B4	Sét làm gạch ngói	422		8.860.000		Xác định cụ thể sau khi khảo sát, đánh giá đảm bảo an toàn môi trường, tuân thủ theo Luật Khoáng sản và quy định liên quan
B5	Than bùn	77,48		1.181.000		Xác định cụ thể sau khi khảo sát, đánh giá đảm bảo an toàn môi trường, tuân thủ theo Luật Khoáng sản và quy định liên quan

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm

quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh, các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền và quy định hiện hành.

- Các khu vực bãi thải của mỏ có quyết định đóng cửa mỏ và các khu vực khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì quy mô diện tích, công suất, giai đoạn theo dự án đầu tư, đề án thăm dò được lập và phê duyệt.

- Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

- Tất cả các khu vực quy hoạch, khi thăm dò phát hiện khoáng sản có giá trị cao hơn vật liệu xây dựng thông thường phải báo cấp có thẩm quyền giải quyết, định hướng khai thác sử dụng đúng giá trị tài nguyên.

- Đối với cát xây dựng và san lấp trên tuyến sông phải có đầu tư khảo sát đánh giá, xác định chi tiết diện tích thăm dò, khai thác để đảm bảo an toàn môi trường, dòng chảy và lòng bờ, bãi sông, tuân thủ theo các quy định Luật Khoáng sản và các Nghị định có liên quan. Đặc biệt là Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

6.5. Phân bố và xác định hệ thống công trình hạ tầng xã hội:

- Trung tâm hành chính, chính trị: Trên cơ sở hệ thống các công trình hành chính cấp huyện, cấp xã hiện trạng, triển khai đầu tư xây dựng cải tạo, chỉnh trang đảm bảo kiến trúc cảnh quan khu vực trung tâm, phù hợp với quá trình phát triển của vùng và quá trình đô thị hóa theo các giai đoạn; có định hướng dự trữ quỹ đất để đầu tư, phát triển trung tâm hành chính chính trị khi Tam Dương trở thành quận nội thành của thành phố Vĩnh Phúc trực thuộc trung ương vào những năm 2050.

- Trung tâm nghiên cứu, đào tạo: Tiếp tục duy trì, phát triển các trường đại học, giáo dục nghề nghiệp hiện có trong vùng (Đại học Trưng Vương, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, 02 trung tâm giáo dục nghề nghiệp: Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe, trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân – hội nông nông dân). Thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục đào tạo chuyên nghiệp tại khu vực Kim Long, Thanh Vân, Đạo Tú được định hướng quy hoạch các quỹ đất nghiên cứu, đào tạo có quy mô lớn.

- Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao: Cải tạo chỉnh trang, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng khu Trung tâm văn hóa thể thao, Trung tâm thanh thiếu niên

– Nhi đồng huyện; đầu tư xây dựng đồng bộ khu công viên cây xanh, quảng trường huyện Tam Dương. Hoàn thiện các thủ tục để đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Vĩnh Phúc, hoàn thiện việc đầu tư xây dựng trung tâm đào tạo vận động viên tỉnh Vĩnh Phúc trên địa bàn thị trấn Kim Long.

Trung tâm thương mại, dịch vụ: với 01 Trung tâm thương mại loại II và 02 Trung tâm thương mại loại III Được bố trí tại khu vực trung tâm thị trấn Hợp Hòa nằm trong các khu đất thương mại dịch vụ theo quy hoạch chi tiết khu đất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê (Khu vực phía Tây thị trấn Hợp Hòa, khu vực phía Nam thị trấn Hợp Hòa – khu số 1 và khu số 2) và các khu đất thương mại dịch vụ có quy mô lớn trên địa bàn huyện, đảm bảo bán kính phục vụ. Đồng thời bố trí các trung tâm thương mại dịch vụ dọc theo tuyến đường, nút giao thông chính trong vùng.

- Các di tích lịch sử có giá trị: Trong vùng huyện Tam Dương có 02 di tích lịch sử cấp quốc gia và 58 di tích lịch sử cấp tỉnh. Rà soát, quy định ranh giới khu vực bảo tồn, vùng bảo vệ, làm cơ sở định hướng cho các hoạt động xây dựng, bảo vệ di tích lịch sử theo Luật Di sản. Tập trung đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích, phát triển không gian khu vực xung quanh các di tích lịch sử để tổ chức các hoạt động lễ hội.

(Các Trung tâm hành chính, Trung tâm văn hóa thể thao trong vùng sẽ được điều chỉnh trong các giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng chính quyền 02 cấp)

6.6. Các khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng: Bảo vệ cảnh quan dọc theo hành lang sông Phó Đáy, sông Phan, các kênh thủy lợi, các không gian mặt nước trong vùng; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên các vùng đồi sản xuất lâm nghiệp; các cánh đồng sản xuất nông nghiệp; tạo ra các không gian thoáng, không gian xanh, cải tạo vi khí hậu trong vùng.

7. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

Định hướng cao độ nền xây dựng: Tận dụng địa hình tự nhiên, không đào đắp địa hình tự nhiên quá lớn, phù hợp với quy hoạch về hướng thoát nước mặt, phân chia lưu vực, cao độ thủy văn, cao độ khống chế quy hoạch.

- Cao độ san nền cao nhất: 34,3 m.
- Cao độ san nền thấp nhất: 10,2 m.
- Khu vực dân cư: 10,2m – 34,2m.
- Khu vực công nghiệp: 11,80m – 34,2m.
- Khu vực đô thị: 10,2m – 30,3m
- Khu vực nông nghiệp: 10.2m – 29.8m.

- Khu vực ven sông Phó Đáy: 6.3m - 23.5m.
- Khu vực ven sông Phan: 8.1m - 17.3m.
- Khu vực ngập úng: 6.50m - 9.50m.

(Cao độ san nền xây dựng cụ thể sẽ được tính toán cụ thể, chính xác trong quá trình lập các quy hoạch cấp dưới và các dự án đầu tư).

7.2. Định hướng quy hoạch giao thông:

Các tuyến đường giao thông được quy hoạch phù hợp với định hướng trong Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc và đặc điểm điều kiện tự nhiên của huyện Tam Dương; các mặt cắt giao thông trong đồ án là mặt cắt điển hình; việc bố trí đường gom, độ rộng mặt cắt ngang các tuyến đường được xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch thấp hơn và trong các bước triển khai thực hiện dự án, đảm bảo phù hợp với hiện trạng dân cư và địa hình khu vực các tuyến đường đi qua. Một số định hướng cụ thể như sau:

a) Đường Cao tốc, đường vành đai vùng thủ đô:

- Duy trì khai thác tuyến cao tốc Nội Bài – Lào Cai, Mặt cắt điển hình A-A, bề rộng trung bình khoảng 73,0m (bao gồm cả hành lang đường – theo hồ sơ thu hồi đất ĐTXD tuyến đường). Khai thác nút giao IC4 hiện trạng; xây dựng mới nút giao IC5 giao với QL.2C thuộc thị trấn Hợp Hòa và xã Đạo Tú, huyện Tam Dương.

- Quy hoạch tuyến đường vành đai V vùng thủ đô đạt quy mô 6 làn xe, đoạn qua huyện Tam Dương. Mặt cắt điển hình B-B, bề rộng 57.0m.

b) Các đường giao thông Quốc lộ, đường Tỉnh, đường chính đi qua khu vực:

b1. Đường Quốc lộ:

- Quốc lộ 2: Nâng cấp quy mô tuyến đạt tối thiểu cấp II. Mặt cắt điển hình B-B bề rộng 57.0m và mặt cắt điển hình B1-B1 bề rộng 40.5m.

- Quốc lộ 2B: Nâng cấp quy mô tuyến. Cụ thể:

- Quốc lộ 2B đoạn từ cao tốc Hà Nội-Lào Cai đến vành đai 2 thành phố Vĩnh Yên: Mặt cắt điển hình E-E bề rộng 150.0m (đã bao gồm đường gom);

Quốc lộ 2B đoạn từ cao tốc Hà Nội-Lào Cai đến nút giao đường tỉnh 310C: Mặt cắt điển hình E1-E1 bề rộng điển hình 80.0m (đã bao gồm đường gom);

- Quốc lộ 2C: Duy trì quy mô tuyến QL2C với quy mô cấp II-III. Mặt cắt điển hình C-C bề rộng 35.0m và điển hình 8-8 bề rộng 26,0m. Đồng thời quy hoạch tuyến tránh với quy mô cấp II để giảm tải cho tuyến hiện trạng do không có khả năng mở rộng:

Tuyến tránh QL 2C phía Đông thị trấn Hợp Hòa: mặt cắt điển hình 7-7 bề rộng điển hình 36,5m.

Tuyến tránh QL2C phía Tây thị trấn Hợp Hòa: mặt cắt điển hình 8-8 bề rộng 26.0m

- Quốc lộ 2: Nâng cấp quy mô tuyến đạt tối thiểu cấp II. Mặt cắt điển hình B-B bề rộng 57.0m (bao gồm đường gom) và mặt cắt điển hình B1-B1 bề rộng 40.5m (chưa bao gồm đường gom).

b2. Đường vành đai, đường tỉnh :

Trên địa bàn huyện có 3 tuyến đường vành đai tỉnh Vĩnh Phúc chạy qua: Vành đai 2 thành phố Vĩnh Yên, Vành đai 3, Vành đai 4. Quy hoạch các tuyến đường vành đai qua địa bàn huyện với quy mô tối thiểu cấp II, 4-6 làn xe (bao gồm cả đường gom). Cụ thể:

Đường vành đai 2 đô thị Vĩnh Phúc: Mặt cắt điển hình G-G bề rộng 52,5m;

Đường vành đai 3 đô thị Vĩnh Phúc: Mặt cắt điển hình B-B bề rộng 57,0m;

Đường vành đai 4 đô thị Vĩnh Phúc: Mặt cắt điển hình 6-6 bề rộng 36,0m;

- Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện trạng trên địa bàn huyện và bổ sung một số tuyến mới tuân theo bản đồ quy hoạch giao thông tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó:

+ Đường tỉnh 305: Giữ quy mô hướng tuyến qua địa bàn huyện, nâng cấp quy mô tuyến đạt tối thiểu cấp III. Mặt cắt điển hình 2-2 và điển hình 4-4 có bề rộng từ 19,50m-38,0m.

+ Đường tỉnh 306: Giữ quy mô hướng tuyến qua địa bàn huyện, nâng cấp quy mô tuyến đạt tối thiểu cấp III. Mặt cắt điển hình 4-4 và điển hình 5-5 có bề rộng từ 19,50m-24,0m.

Đường tỉnh 309: Giữ quy mô hướng tuyến qua địa bàn huyện, nâng cấp quy mô tuyến tối thiểu đạt cấp III. Mặt cắt điển hình 7-7 bề rộng 36.50m

+ Đường tỉnh 309B: Giữ quy mô hướng tuyến qua địa bàn huyện, nâng cấp quy mô tuyến tối thiểu đạt cấp III. Mặt cắt điển hình 4-4 bề rộng 19.50m;

+ Đường tỉnh 310 (vành đai 4 đô thị Vĩnh Phúc): Giữ quy mô hướng tuyến qua địa bàn huyện, nâng cấp quy mô tuyến tối thiểu đạt tối thiểu cấp II. Mặt cắt điển hình 6-6 bề rộng 36,0m (chưa bao gồm đường gom);

+ Đường tỉnh 310C: Nâng cấp quy mô đạt cấp II-III. Mặt cắt điển hình 7-7 bề rộng 36,50m. (chưa bao gồm đường gom).

- Quy hoạch các tuyến đường tỉnh mới, nâng cao kết nối, tuân theo bản đồ quy hoạch giao thông tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Đường tỉnh 306C (bổ sung mặt cắt): mặt cắt điển hình B-B bề rộng 57.0m (bao gồm cả đường gom);

+ Đường tỉnh 308 (bổ sung mặt cắt): Mặt cắt điển hình 6-6 bề rộng 36,0m.

+ Đường tỉnh 308B (bổ sung mặt cắt) : Mặt cắt điển hình 6-6 bề rộng 36,0m

+ Đường tỉnh 308D (bổ sung mặt cắt) : Mặt cắt điển hình 4-4 bề rộng 19.5m.

+ Đường tỉnh 310D (bổ sung mặt cắt): Tuyến đường trục hướng tâm quy hoạch mới. Điểm đầu tuyến tại đường vành đai 1 thành phố Vĩnh Yên (phường Định Trung) đi theo hướng Bắc kết nối với huyện Tam Dương, Tam Đảo, điểm cuối giao với đường ĐT.302 tại xã Hồ Sơn. Quy hoạch tuyến đường quy mô cấp I - II. Mặt cắt điển hình 6-6 bề rộng 36.0m và mặt cắt điển hình 12-12 bề rộng 38.0m.

+ Đường tỉnh 310E: Mặt cắt điển hình 11-11 bề rộng 50.0m.

+ Đường tỉnh 307B: Quy hoạch kéo dài tuyến đường ĐT.307B từ huyện Lập Thạch đi song song cao tốc Hà Nội – Lào Cai, điểm cuối tại ĐT.310D (tuyến mới). Chiều dài tuyến qua huyện Tam Dương khoảng 7,5km. Quy hoạch tuyến đạt quy mô cấp II – III. Mặt cắt điển hình 7-7 bề rộng 36,5m.

+ Đường tỉnh 309C: Điểm đầu từ đường tỉnh 307B (Vành đai KCN) đi theo hướng Bắc, trùng với đường tránh nội thị phía Đông. Tuyến đường quy hoạch nhằm giảm tải cho QL2C hiện tại. Quy hoạch tuyến đường quy mô tối thiểu cấp I I. Mặt cắt điển hình 7-7 bề rộng 36,5m (không bao gồm đường gom)

b3. Giao thông trong khu vực: Các đường giao thông liên khu vực lộ giới từ 16,5 m – 36,5m; khoảng cách các tuyến đường cách nhau 600 - 1000m.

Đối với các tuyến đường cấp khu vực, đường nội bộ được thể hiện trong các quy hoạch cấp thấp hơn (tỷ lệ nhỏ hơn).

c) Giao thông đường sắt:

Quy hoạch mạng lưới đường sắt Quốc gia tuân thủ theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại quyết định 1769/QĐ/TTg ngày 19/10/2021.

- Đường sắt Hà Nội - Lào Cai:

+ Duy trì khai thác tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai đi qua địa bàn tỉnh. Cải tạo, nâng cấp, từng bước đưa vào cấp kỹ thuật tuyến đường sắt quốc gia.

+ Tập trung nâng cao năng lực, chất lượng vận tải và cải tạo nâng cấp hạ tầng phục vụ giao thông đường sắt.

- Đường sắt Hải Phòng – Hà Nội – Lào Cai (tuyến mới): Được cập nhật, điều chỉnh và xác định cụ thể cho phù hợp với hướng tuyến và dự án được phê duyệt điều chỉnh.

d) Giao thông công cộng:

Tiếp tục duy trì hoạt động tuyến xe bus Tam Dương – Vĩnh Yên (VP6); các tuyến xe khách Tam Dương – Hà Nội, Tam Dương – Việt Trì, Tam Dương – Phú Thọ... phát triển thêm các tuyến xe bus, xe khách trong quá trình phát triển vùng huyện lên đô thị loại IV và thành Quận nội thành của đô thị Vĩnh Phúc trực thuộc trung ương trong tương lai.

e) Hệ thống bến bãi:

- Duy trì khai thác bến xe khách Tam Dương, nâng cấp các hạng mục công trình bến xe đạt chuẩn loại 3.

+ Quy hoạch bến xe Bắc Vĩnh Yên tại khu vực QL2C giao Vành đai 3 (gần nút giao IC5), quy mô 15.000m², đạt loại 2. Bến xe hình thành phục vụ nhu cầu đi lại của huyện Tam Dương và thành phố Vĩnh Yên.

- Bãi đỗ xe: Nghiên cứu dành quỹ đất để bố trí bãi đỗ xe công cộng tập trung tại trung tâm các xã và các khu công nghiệp trên địa bàn huyện, phục vụ nhu cầu đỗ xe cá nhân, xếp dỡ hàng hóa.

Hệ thống các bãi đỗ xe công cộng cấp tỉnh huyện quy hoạch 22 bãi đỗ xe. Vị trí cụ thể được xác định trong các quy hoạch cấp thấp hơn.

III	Huyện Tam Dương	
1	BĐX Đạo Tú 1	Gần Trường Tiểu học Đạo Tú, xã Đạo Tú, Tam Dương
2	BĐX Thanh Vân	QL.2C, xã Thanh Vân, Tam Dương
3	BĐX Duy Phiên	Gần ĐT306, xóm Hạ, Duy Phiên, Tam Dương
4	BĐX Vân Hội 1	Gần chùa Trấn Yên, Vân Hội, Tam Dương
5	BĐX Vân Hội 2	ĐT.305, gần UBND xã Vân Hội (cũ), Tam Dương
6	BĐX Xã Kim Long	Đường Hợp Châu Đồng Tỉnh - Kim Long, Tam Dương
7	BĐX Hướng Đạo 1	ĐT309B, Hưng Đạo, Tam Dương,
8	BĐX Hướng Đạo 2	Gần hồ Cầu Trinh, ĐT309B, Hưng Đạo, Tam Dương,
9	BĐX Đạo Tú 2	ĐCT05, Đạo Tú, Tam Dương
10	BĐX Kim Long 1	Kim Long, Tam Dương, Vĩnh Phúc
11	BĐX Kim Long 2	Kim Long, Tam Dương, Vĩnh Phúc
12	BĐX Kim Long 3	Kim Long, Tam Dương, Vĩnh Phúc
13	BĐX Hướng Đạo 3	Hướng Đạo, Tam Dương, Vĩnh Phúc,
14	BĐX Hướng Đạo 4	Hướng Đạo, Tam Dương, Vĩnh Phúc,
15	BĐX Hướng Đạo 5	ĐT 309, xã Hưng Đạo
16	BĐX Hoàng Hoa	Gần đường Hợp Châu - Đồng Tỉnh, xã Hoàng Hoa
17	BĐX Hoàng Hoa 1	Gần đường Hợp Châu - Đồng Tỉnh, xã Hoàng Hoa
18	BĐX Hoàng Hoa 2	Gần đường Hợp Châu - Đồng Tỉnh, xã Hoàng Hoa
19	BĐX An Hòa	Gần UBND xã An Hòa

20	BĐX Đồng Tĩnh	Gần UBND xã Đồng Tĩnh
21	BĐX Hoàng Lâu 1	Gần Trường tiểu học Hoàng Lâu
22	BĐX Hoàng Lâu 2	ĐT 305, xã Hoàng Lâu

f) Các công trình phục vụ giao thông:

Quy hoạch nút giao khác mức trên các trục đường chính: Ngoài việc tổ chức giao thông khác mức giữa đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai, tuyến đường sắt Hải Phòng – Hà Nội – Lào Cai mới, tuyến đường sắt Hà Nội – Lào Cai với các trục đường giao thông trên địa bàn huyện Tam Dương; Việc giao cắt giữa các đường Quốc Lộ và các Đường tỉnh sẽ được tổ chức giao cắt khác mức khi mật độ phương tiện tham gia giao thông cao, phù hợp với quá trình phát triển của Tam Dương. Một số điểm giao cắt khác mức theo với định hướng nêu trên:

- Nút giao IC4 giữa Cao tốc Nội Bài – Lào Cai với QL.2B; Nút giao IC5 giữa Cao tốc Nội Bài – Lào Cai với QL.2C;

- Nút giao QL.2C với ĐT.310C (Vành đai 5 vùng thủ đô và ĐT.306C) - Ngã 5 Đạo Tú.

- Nút giao ngã 6 giữa ĐT.309 với ĐT.306 và ĐT.307B (khu vực An Hòa).

- Nút giao ngã 5 giữa ĐT.309 với đường tránh phía Đông thị trấn Hợp Hòa (ĐT.309C) và ĐH thị trấn Hợp Hòa.

- Nút giao ngã 5 giữa ĐT.309C (tuyến tránh QL.2C) với đường tránh phía Đông thị trấn Hợp Hòa (ĐT.309C), ĐT.309B và đường huyện (khu vực Đồng Tĩnh).

- Nút giao giữa ĐT.310 với ĐT.309C (tuyến tránh QL.2C), ĐT.309B cũ (khu vực Đồng Tĩnh).

- Nút giao ĐT.309 với ĐT.305 (đê Chợ Vàng - Hoàng Đan).

- Nút giao ĐT.310C với đường Vành đai 3 mới (ĐT.306C – khu vực Đạo Tú).

Ghi chú: Mặt cắt các trục đường giao thông trong đồ án được xác định là mặt cắt điển hình, mặt cắt cụ thể của các tuyến đường, phương án tổ chức nút giao thông khác mức sẽ được xác định chính xác trong quá trình khảo sát, lập hướng tuyến và lập dự án đầu tư và quy hoạch cấp thấp hơn, đảm bảo phù hợp với hiện trạng địa hình, dân cư hiện hữu, đảm bảo tính khả thi.

7.3. Định hướng quy hoạch hệ thống điện, cung cấp năng lượng

a) Nguồn điện: Được lấy từ trạm 220KV Vĩnh Tường máy T3 và T4 – 1x63MVA, trạm 110KV Hội Hợp – 2x63MVA, trạm 110KV Vĩnh Yên – 2x63MVA, trạm 110KV Vĩnh Tường – 2x40MVA và trạm 110KV Vĩnh Yên 2 – 2x63MVA hiện có.

Giai đoạn sau được lấy thêm từ các trạm:

- Trạm biến áp 110KV Tam Dương, giai đoạn đầu 2016-2021 công suất là 1x63MVA, giai đoạn 2021-2025 công suất là 2x63MVA.

- Trạm biến áp 110KV Tam Dương 2: Giai đoạn 2021-2025 công suất 1x63MVA giai đoạn sau công suất máy 2x63MVA. Phục vụ cấp điện cho khu vực huyện Tam Dương và các vùng lân cận.

- Giai đoạn 2030-2035 dự kiến xây dựng trạm 110KV Đồng Cương công suất 2x63MVA. Phục vụ cấp điện cho khu vực huyện Tam Dương và các vùng lân cận.

- Dự kiến xây dựng trạm 110KV Thanh Vân

b) Lưới điện:

- Lưới điện 500 KV: Đường dây 500KV Sơn La – Hiệp Hòa, 500KV Lào Cai Vĩnh Yên

- Lưới điện 220KV: Việt Trì – Tam Dương – Bá Thiện.

- Lưới điện 110 KV: Xây dựng tuyến mới tuyến đường dây 110KV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trạm 110KV Tam Dương 2; Xây dựng tuyến mới tuyến đường dây 110KV đầu nối chuyển tiếp trạm 110KV Tam Dương 2 về trạm 110KV Tam Dương; Xây dựng tuyến mới tuyến đường dây 110KV đầu nối chuyển tiếp trạm 110KV Tam Dương về ĐDK-110KV Tam Dương 2 đi Bá Thiện; Xây dựng tuyến mới tuyến đường dây 110KV đầu nối chuyển tiếp trạm 110KV Tam Dương về trạm 220KV Tam Dương.

- Lưới điện phân phối: Phát triển lưới 22KV để cấp điện cho tất cả các trạm biến áp và có liên hệ giữa các trạm 110KV. Tiêu chuẩn chọn vị trí đặt trạm biến áp gần trung tâm phụ tải, nguồn cấp đảm bảo tiêu chí N-1.

c) Trạm biến áp 35,22/0,4KV: Phát triển lưới 22KV để cấp điện cho tất cả các trạm biến áp và có liên hệ giữa các trạm 110KV. Toàn bộ khu vực sử dụng các trạm biến áp treo, trạm biến áp Kisot hoặc trạm biến áp trụ hợp bộ Compact, vị trí các trạm biến áp được lựa chọn sao cho đảm bảo các yêu cầu về mỹ quan và gần đường giao thông.

d) Lưới chiếu sáng: Hệ thống chiếu sáng phải xây dựng dựa trên giải pháp quy hoạch chung cho khu nghiên cứu; Thiết kế chiếu sáng và lựa chọn thiết bị chiếu sáng phù hợp với cảnh quan kiến trúc đô thị.

7.4. Định hướng quy hoạch hệ thống cấp nước

- Xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước, bao gồm công trình khai thác nước thô, ống chuyển tải nước thô, nhà máy nước, mạng lưới đường ống truyền dẫn, phân phối, dịch vụ đến khu vực sử dụng nước. Sử dụng công nghệ, thiết bị ngành nước phù hợp với điều kiện của địa phương, ưu tiên áp dụng công nghệ và thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng.

- Dự báo nhu cầu cấp nước năm 2030: Khoảng 58.843 m³/ngđ. Q ngày max khoảng 70.611 m³/ngđ.

- Dự báo nhu cầu cấp nước năm 2050: Khoảng 71.001 m³/ngđ. Q ngày max khoảng 85.201 m³/ngđ.

- Giai đoạn đến 2030: Duy trì công suất một số nhà máy cấp nước, gồm: Hợp Thịnh (12.000 m³/ng.đ), nhà máy nước Ngô Quyền (5.000 m³/ng.đ); Nâng công suất nhà máy nước mặt Việt Xuân lên 150.000 m³/ngđ, cấp cho các đơn vị hành chính cấp xã: Đạo Tú, Hội Thịnh, Thanh Vân, An Hòa, Duy Phiên, Hoàng Lâu, Hoàng Đan, Hợp Hòa; Nâng công suất nhà máy nước mặt Tam Dương từ 20.000 m³/ngđ lên 80.000 m³/ngày cấp cho các đơn vị hành chính cấp xã: Đồng Tĩnh, Kim Long, Hoàng Hoa, Hướng Đạo theo Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc được duyệt.

- Giai đoạn tầm nhìn đến 2050: Trên cơ sở dự kiến phát triển của tỉnh, dự báo nhu cầu dùng nước đảm bảo giai đoạn phát triển phù hợp với thời điểm tương lai, sẽ xóa bỏ hoàn toàn các nhà máy sử dụng nước ngầm và các nhà máy nước nhỏ lẻ sử dụng nước mặt không hiệu quả. Mở rộng nâng công suất các nhà máy nước sử dụng công suất lớn sử dụng nguồn nước mặt như nhà máy nước Sông Lô, nhà máy nước Việt Xuân, nhà máy nước Tam Dương, nhà máy nước Phúc Bình, nhà máy nước Sông Hồng; nghiên cứu có thể đầu tư xây dựng thêm các nhà máy để mở rộng bổ sung vùng cấp nước cho các tỉnh lân cận.

7.5. Định hướng quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

a) Định hướng thoát nước mưa:

- Vùng thoát nước chính: Nước mưa thoát tự nhiên ra các ao hồ, đồng trũng rồi qua các kênh tiêu thoát ra sông Phan, sông Phó Đáy, kênh Bến Tre, Kênh Cầu Bòn.

- Hệ thống sông ngòi, kênh mương tiêu thoát nước trong khu vực bao gồm:

+ Luồng tiêu chính liên huyện bao gồm: Luồng tiêu sông Phan; Luồng tiêu kênh Bến Tre; Luồng tiêu Định Trung đi Thanh Vân; Luồng tiêu Duy Phiên – Hội Thịnh (kênh Thiên tạo); Luồng tiêu trại mới Mai Nham đi Vân Tập đến Đầm Sỏ; Luồng tiêu Chấn Yên đi Đồng Tâm; Luồng tiêu kênh 2A Đồng cửa đi Thiên Tạo; Luồng tiêu Duy Phiên - Hoàng Lâu - Yên Bình; Luồng tiêu Hoàng Lâu - Yên Bình; Luồng tiêu Đại Đình đi khu 4 xã Đồng Tĩnh.

+ Ngoài ra còn có các luồng tiêu phụ, là các luồng tiêu liên xã bao gồm: Luồng tiêu Z72 đi sông Phan; Luồng tiêu Thôn Giềng - Đồng Võ - Yên Mỹ; Luồng tiêu Rừng nền đi kênh Bến Tre; Luồng tiêu Đại Đình - Cửa Chùa - Hoàng Lâu; Luồng tiêu Cửa Đồng Diên Lâm đi Đầm Nhị Hoàng; Luồng tiêu Núi Vua (306) qua kênh Liễn Sơn; Luồng tiêu Thôn Mới Duy Phiên đi Mương Đỏ ra Thiên Tạo; Luồng tiêu Ma Lác đi Thiên Tạo; Luồng tiêu Tiêu Cầu Cửi; Luồng tiêu hồ khu 2 Hoàng Hoa đi Đồng Diên xã Đồng Tĩnh; Luồng tiêu Kiên Tháp đến khu 4 Hoàng Hoa; Luồng tiêu suối Cừu Yên (Hợp Châu - Kim Long- Hương Sơn); Luồng tiêu

Yên Trung - Hoàng Hoa - Đồng Tĩnh đi Cầu Gáo; Luồng tiêu Bới Hú đi Cổng 3 cửa An Hạ (An Hòa); Luồng tiêu Làng Mạ Tam Quan - Hoàng Hoa; Luồng tiêu Tam Quan - Hồ Sơn - Kim Long; Luồng tiêu Hồ Sơn Cao (Lan Đình) đi Đạo Tú; Luồng tiêu Hồ Làng Trước đi Đạo Tú (Bến Tre); Luồng tiêu Yên Bình – Hội Thịnh (Hợp Thịnh cũ); Luồng tiêu Bảo Trúc - Kênh Bến Tre; Luồng tiêu Tam Quan - Hướng Đạo (N2 Bến Tre); Luồng tiêu Tam Quan - Hợp Châu – Kim Long.

- Hiện trạng chia thành 5 Lưu vực thoát nước: Lưu vực thoát nước ra sông Đáy (1); Lưu vực thoát nước ra kênh Bến Tre (2); Lưu vực thoát nước ra sông Phan (3); Lưu vực thoát nước ra kênh Cầu Bòn và sông Cà Lồ (4); Lưu vực thoát nước ra Đầm Vạc (5).

b) Định hướng thoát nước thải và xử lý nước thải: Chỉ tiêu tính toán bằng 80% nhu cầu cấp nước, dự báo tổng lượng nước thải phát sinh toàn huyện Tam Dương, khoảng 47.220 m³/ngđ (năm 2030) và 55.774 m³/ngđ (năm 2050).

- Giải pháp thoát nước thải

+ Giai đoạn đến năm 2030:

Các xã An Hòa, Đồng Tĩnh, Hoàng Hoa, Hoàng Lô, Hoàng Đan, Hướng Đạo thì hệ thống nước thải sẽ thoát về các trạm xử lý cục bộ ở các địa phương theo các Quy hoạch chung xã và quy hoạch chung đô thị đến năm 2030 đã được phê duyệt.

Các xã : Đạo Tú, Thanh Vân, Duy Phiên, Hội Thịnh, thị trấn Hợp Hòa, thị trấn Kim Long thì hệ thống nước thải sẽ được tập trung về các trạm bơm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 2.4, 5.3 để bơm về các trạm xử lý Tây Vĩnh Yên và Đông Bắc Vĩnh Yên để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường theo quy hoạch thoát nước đô thị Vĩnh Phúc và quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc đã được phê duyệt.

+ Giai đoạn đến năm 2050:

Các xã An Hòa, Đồng Tĩnh, Hoàng Hoa, Hoàng Lô, Hoàng Đan, Hướng Đạo thì hệ thống nước thải sẽ chỉ thu gom về 1 trạm xử lý tập trung ở mỗi xã, các trạm xử lý còn lại sẽ làm trạm bơm trung chuyển.

Các xã : Đạo Tú, Thanh Vân, Duy Phiên, Hội Thịnh, thị trấn Hợp Hòa, thị trấn Kim Long hệ thống nước thải sẽ vẫn tiếp tục xử lý tập trung ở các trạm xử lý Tây Vĩnh Yên và Đông Bắc Vĩnh Yên.

Khu vực đô thị: Đối với các khu đã có hệ thống thoát nước chung, xây dựng hệ thống cống bao, giếng tách nước thu gom nước thải về trạm xử lý kết hợp với nâng cấp cải tạo đường ống. Các khu vực phát triển mới, chưa có hệ thống thoát nước, sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, xử lý nước thải tập trung. Các khu vực đã lập dự án, hệ thống thu gom và xử lý nước thải được thực hiện theo dự án riêng.

Khu vực làng xóm hiện hữu: 100% các hộ gia đình phải sử dụng xí hợp vệ sinh, khuyến khích sử dụng bể tự hoại hợp quy cách. Các điểm dân cư nông thôn có lượng nước nhỏ và phân tán: Xây dựng mương đập đan, thoát nước chung với nước mưa, tận dụng hệ thống kênh, mương nội đồng, ao, hồ sẵn có ngoài đồng để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên. Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp.

7.6. Định hướng quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

- Quản lý chất thải rắn: Tổng khối lượng rác thải phát sinh toàn vùng huyện Tam Dương khoảng 299 tấn/ngày (giai đoạn 2030);

Chất thải rắn được thu gom, phân loại tại nguồn: CTR có thể thu hồi để tái chế, tái sử dụng, bao gồm CTR vô cơ (bao bì, giấy, thủy tinh...); CTR hữu cơ; CTR không xử lý: đất, đá, gạch...

Quy hoạch 01 khu xử lý chất thải rắn: Khu xử lý CTR đặt tại thị trấn Hợp Hòa (nâng cấp, mở rộng quy mô Khu xử lý CTR hiện trạng để đảm bảo phục vụ nhu cầu của toàn huyện).

- Nghĩa trang: Định hướng quy hoạch mới, mở rộng nghĩa trang đến năm 2030 khoảng 95,83 ha, quy hoạch mới nghĩa trang tập trung của huyện tại xã Đồng Tĩnh quy mô khoảng 6 ha, quy hoạch mở rộng nghĩa trang tại thị trấn Hợp Hòa quy mô 5ha; quy tập các mộ độc lập, rải rác về các nghĩa trang hiện có, tăng diện tích đất cây xanh trong nghĩa trang, mở rộng nghĩa trang phục vụ nhu cầu phát triển đô thị, tăng dân số. Nhà tang lễ sẽ được nghiên cứu, xác định vị trí, quy mô trong quá trình phát triển Tam Dương thành đô thị cấp huyện.

7.7. Định hướng quy hoạch hệ thống viễn thông

Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc được lập trên cơ sở các quy hoạch, chiến lược phát triển và theo dự báo của đồ án.

Phát triển tuyến truyền dẫn mới tới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới...; phục vụ cho các nút chuyển mạch đa dịch vụ mới lắp đặt; đến các khu du lịch, khu vực dịch vụ... phục vụ các nhu cầu về giải trí, thương mại, du lịch...; đến các khu vực có lưu lượng cao, nhu cầu sử dụng lớn.

Nguồn tín hiệu chính được lấy từ đường dây viễn thông của bưu điện huyện Tam Dương, dự kiến đến năm 2030 có khoảng 208.400 thuê bao nguồn từ bưu điện vệ tinh tỉnh cấp tới. Hệ thống thông tin liên lạc đặt ở độ sâu 0,6m đi ngầm trong ống PVC chuyên dùng, cáp tín hiệu thông tin đến số thuê bao được thực hiện bằng cáp chống ẩm có tiết diện 0,5mm, cáp trong mạng nội bộ chủ yếu sử dụng loại cáp có đầu từ tủ cáp phân phối gần nhất.

8. Đánh giá môi trường chiến lược

Các vấn đề về môi trường có phạm vi tác động lớn cần xem xét đánh giá đảm bảo quy định, gồm môi trường tự nhiên (môi trường đất; môi trường không khí; môi trường nước; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu); môi trường kinh tế xã hội (lao động việc làm; phát triển kinh tế; tôn giáo - tín ngưỡng; chất lượng cuộc sống). Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu cải thiện các vấn đề môi trường:

- Đối với môi trường nước: Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung, thải ra môi trường. Thường xuyên kiểm soát môi trường định kỳ, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải, bụi.

- Đối với môi trường đất: Cân nhắc, thận trọng việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang các mục đích khác để đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn; đảm bảo việc canh tác hợp lý, chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp trên các vùng sinh thái, tránh tình trạng thoái hóa, bạc màu và rửa trôi đất.

- Đối với môi trường không khí: Xử lý ô nhiễm không khí do hoạt động sinh hoạt: do hoạt động giao thông đô thị: Thực hiện việc quan trắc chất lượng không khí toàn huyện. Tăng cường kiểm tra, có biện pháp hạn chế bụi xây dựng tại các công trình và phương tiện vận chuyển vật liệu, phế thải xây dựng.

- Đối với chất thải rắn: Chất thải rắn cần phân loại ngay tại nguồn, quy hoạch thu gom và xử lý triệt để, tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Thực hiện giám sát chất lượng nước nguồn; giám sát chất lượng nước sau khi xử lý; giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý; giám sát chất lượng không khí; giám sát chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp được thu gom và xử lý riêng). Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường, nâng cao kỹ năng lồng ghép vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế xã hội, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng trong vấn đề bảo vệ môi trường.

9. Quy định quản lý

UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kèm theo hồ sơ quy hoạch này.

(Có hồ sơ đồ án quy hoạch được Sở Xây dựng chủ trì thẩm định, được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND huyện Tam Dương chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt và triển khai thực hiện quy hoạch được phê duyệt theo quy định;

2. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt; tham mưu cho UBND tỉnh về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quy hoạch, xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh.

3. Các sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Công thương, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Tam Dương và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, triển khai thực hiện quy hoạch được phê duyệt và theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Sở Xây dựng phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương sau sắp xếp, thực hiện rà soát đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Dương, báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh xem xét ứng xử với đồ án, đảm bảo tính kế thừa, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, theo Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết của Chính phủ. Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh; Đề án của UBND tỉnh, đảm bảo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công thương, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý các Khu công nghiệp; Chủ tịch UBND huyện Tam Dương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn